

Số: 2613 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 17 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội;

Theo Văn bản số 1975/UBND-TH ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh về việc chủ trương áp dụng một số nội dung liên quan đến giá đất và hạn mức đất ở trên địa bàn thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát (trừ xã Cát Hải) tại Tờ trình số 24/TTr-HĐBT ngày 01/6/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 845/TTr-STNMT ngày 14/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB để xây dựng Khu vui chơi Phú Hậu - Cát Tiến, Khu kinh tế Nhơn Hội (đợt 3), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về bồi thường, hỗ trợ:

a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là **10.406.733.483 đồng** (Mười tỷ, bốn trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng), trong đó:

- | | |
|---------------------------------------|----------------------|
| - Giá trị bồi thường, hỗ trợ: | 10.016.213.780 đồng. |
| - Giá trị hỗ trợ tiền thuê nhà ở: | 85.000.000 đồng. |
| - Thương đẩy nhanh tiến độ GPMB | 81.500.000 đồng. |
| - Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): | 203.654.276 đồng. |

(Trong đó, chi phí thẩm định 0,2% là 20.365.000 đồng. Riêng chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường là 15.255.000 đồng).

- | | |
|--|------------------|
| - Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: | 20.365.428 đồng. |
|--|------------------|

* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo Quyết định này)

2. Về tái định cư:

Bố trí 07 lô đất tái định cư cho 05 hộ gia đình và 02 cặp vợ chồng tăng thêm trong hộ chính, với tổng diện tích là 964,8m² tại Khu tái định cư Cát Tiến mới (Khu 2). Tổng số tiền sử dụng đất các hộ này phải nộp là **6.724.000.000 đồng** (Sáu tỷ, bảy trăm hai mươi bốn triệu đồng).

(Chi tiết như Phụ lục số 04 kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản

lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SÔ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN KHU VUI CHƠI PHÚ HẬU - CÁT TIẾN, KHU KINH TẾ NHƠN HỘI (ĐỢT 3)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)						
				Tiền bồi thường, hỗ trợ đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Chính sách hỗ trợ	Thành tiền		Giá trị BT, HT (đồng)
								Phần ảnh hưởng tuyến đường	Phần ảnh hưởng dự án	
1	Nguyễn Văn Tám Nguyễn Thị Thanh	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	1.155,50	1.264.467.200	514.366.505	12.907.500	19.436.000	0	1.811.177.205	1.811.177.205
2	Lê Xuân Đức Nguyễn Thị Nhỏ	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	2.239,60	597.673.520	576.708.117	105.999.395	19.436.000	0	1.299.817.032	1.299.817.032
3	Lê Xuân Tiến Nguyễn Thị Thủy	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	2.911,00	1.434.711.000	708.537.114	339.415.500	69.204.000	0	2.551.867.614	2.551.867.614
4	Nguyễn Thị Thảo Ly	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	401,30	65.331.640	238.888.637	5.777.200	39.588.000	0	349.585.477	349.585.477
5	Nguyễn Như Tiên Đinh Thị Hồng Kiều	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	642,10	104.533.880	184.409.659	15.252.200	3.452.000	0	307.647.739	307.647.739
6	Trần Thừa Trần Thị Hương Loan	Xã Cát Hưng, huyện Phù Cát	223,70	0	0	345.000	0	0	345.000	345.000
7	Nguyễn Văn Trinh Lê Thị Lan	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	331,50	31.501.800	37.797.196	15.170.800	0	0	84.469.796	84.469.796
8	Lê Quốc Khánh Đinh Thị Hồng Cẩm	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	2.629,90	0	0	22.175.915	0	0	22.175.915	22.175.915
9	Nguyễn Văn Thắng Phan Thị Thanh Tâm	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	713,50	329.045.760	633.568.030	15.294.400	7.500.000	756.804.524	228.603.666	985.408.190
10	Đoàn Văn Sọ Nguyễn Thị Tâm	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	217,90	399.323.080	993.134.073	3.520.600	7.500.000	1.270.790.707	132.687.046	1.403.477.753

11	Đoàn Thị Bích Hoa Nguyễn Thảo Nhân (nhận tặng cho một phần đất từ hộ ông Đoàn Văn Sọ)	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	238,70	303.124.160	0	18.017.800	0	230.277.680	90.864.280	321.141.960
12	Đỗ Ngọc Quý Phan Thị Liên (nhận chuyển nhượng một phần đất từ hộ ông Đoàn Văn Sọ)	Thôn Phú Hậu, xã Cát Chánh	187,10	237.580.280	0	2.724.500	0	0	240.304.780	240.304.780
13	Nguyễn Văn Dũng Lê Thị Minh Nguyệt (nhận chuyển nhượng một phần đất từ hộ ông Đoàn Văn Sọ)	KP Phương Phi, thị trấn Cát Tiến	299,60	380.320.280	0	15.725.600	0	351.620.120	44.425.760	396.045.880
14	Trần Văn An (nhận chuyển nhượng một phần đất từ hộ ông Đoàn Văn Sọ)	Xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	188,30	238.989.440	0	3.760.000	0	173.578.640	69.170.800	242.749.440
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ									10.016.213.780
B	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở (Theo Phụ lục số 02)									85.000.000
C	Thưởng GPMB (Theo Phụ lục số 03)									81.500.000
D	Chi phí phục vụ GPMB (2%)									203.654.276
E	Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế									20.365.428
G	Tổng cộng (A+B+C+D+E)									10.406.733.483

Phụ lục số 02
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ THUÊ NHÀ Ở
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Hỗ trợ thuê nhà (đồng)
1	Nguyễn Văn Tám, Nguyễn Thị Thanh	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	15.000.000
2	Lê Xuân Đức, Nguyễn Thị Nhó	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	15.000.000
3	Lê Xuân Tiến, Nguyễn Thị Thủy	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	15.000.000
4	Nguyễn Thị Thảo Ly	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	10.000.000
5	Nguyễn Như Tiên, Đinh Thị Hồng Kiều	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	10.000.000
6	Nguyễn Văn Thắng, Phan Thị Thanh Tâm	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	10.000.000
7	Đoàn Văn Sọ, Nguyễn Thị Tâm	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	10.000.000
Tổng cộng			85.000.000

Phụ lục số 03
BẢNG TỔNG HỢP THƯỞNG ĐÃY NHANH TIẾN ĐỘ GPMB
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Giá trị thưởng (đồng)	Cấp nhà, vật kiến trúc
1	Nguyễn Văn Tám, Nguyễn Thị Thanh	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N5
2	Lê Xuân Đức, Nguyễn Thị Nhỏ	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N5
3	Lê Xuân Tiến, Nguyễn Thị Thủy	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N5
4	Nguyễn Thị Thảo Ly	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N5
5	Nguyễn Như Tiên, Đinh Thị Hồng Kiều	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N6
6	Trần Thừa, Trần Thị Hương Loan	Xã Cát Hưng, huyện Phù Cát	1.500.000	Vật kiến trúc
7	Nguyễn Văn Trinh, Lê Thị Lan	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	1.500.000	Vật kiến trúc
8	Lê Quốc Khánh, Đinh Thị Hồng Cẩm	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N6
9	Nguyễn Văn Thắng, Phan Thị Thanh Tâm	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N5
10	Đoàn Văn Sọ, Nguyễn Thị Tâm	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N5
11	Đoàn Thị Bích Hoa, Nguyễn Thảo Nhân	KP Phú Hậu, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N6
12	Đỗ Ngọc Quý, Phan Thị Liên	Thôn Phú Hậu, xã Cát Chánh	7.000.000	Nhà N8
13	Nguyễn Văn Dũng, Lê Thị Minh Nguyệt	KP Phương Phi, thị trấn Cát Tiến	7.000.000	Nhà N6
14	Trần Văn An	Xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	1.500.000	Vật kiến trúc
Tổng cộng			81.500.000	

Phụ lục số 04

**BẢNG TỔNG HỢP BỐ TRÍ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB
XÂY DỰNG DỰ ÁN KHU VUI CHƠI PHÚ HẬU - CÁT TIẾN, KHU KINH TẾ NHON HỘI (ĐỢT 3)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân	Địa chỉ	Lô đất bố trí tái định cư						Tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Tên đường	Phân khu	Diện tích (m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể (tái định cư) (đồng/m ²)	Đơn giá đất ở cụ thể (theo thị trường) (đồng/m ²)		
1	Nguyễn Văn Tám Nguyễn Thị Thanh	Phú Hậu, Cát Tiến	83	Đường số 3	A	152,2	5.000.000	10.000.000	822.000.000	Nộp 140m ² theo giá đất ở cụ thể và 12,2m ² theo giá đất ở thị trường
2	Lê Xuân Đức Nguyễn Thị Nhó	Phú Hậu, Cát Tiến	39	Đường số 10	E	163,8	4.000.000	7.500.000	738.500.000	Nộp 140m ² theo giá đất ở cụ thể và 23,8m ² theo giá đất ở thị trường
3	Lê Xuân Tiến Nguyễn Thị Thủy	Phú Hậu, Cát Tiến	69	Đường số 3	A	144,7	5.000.000	10.000.000	747.000.000	Nộp 140m ² theo giá đất ở cụ thể và 4,7m ² theo giá đất ở thị trường
4	Lê Đình Trọng Lê Thị Trà My	Phú Hậu, Cát Tiến	73	Đường số 3	A	124,7		10.000.000	1.247.000.000	Nộp 124,7m ² theo giá đất ở thị trường (Lô thứ 2 trong hộ Lê Xuân Tiến)
5	Lê Minh Toàn Nguyễn Thị Kim Thoa	Phú Hậu, Cát Tiến	71	Đường số 3	A	129,6		10.000.000	1.296.000.000	Nộp 129,6m ² theo giá đất ở thị trường (Lô thứ 3 trong hộ Lê Xuân Tiến)

6	Nguyễn Thị Thảo Ly	Phú Hậu, Cát Tiến	30	Đường số 10	E	124,8		7.500.000	936.000.000	Nộp 124,8m ² theo giá đất ở thị trường
7	Nguyễn Như Tiên Đình Thị Hồng Kiều	Phú Hậu, Cát Tiến	35	Đường số 10	E	125,0		7.500.000	937.500.000	Nộp 125,0m ² theo giá đất ở thị trường
Tổng tiền sử dụng đất phải nộp									6.724.000.000	

12,2

23,8

1